TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

Số: 99/2022/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Lộc, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh Trịnh Văn H - Sinh năm: 1990;

** Bị đơn*: Chị Trịnh Thị N - Sinh năm: 1990;

Đều trú tại: Thôn C, xã L, huyện V, tỉnh T.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/12/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn, anh Trịnh Văn H và bị đơn, chị Trịnh Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***** *Về hôn nhân:* Anh Trịnh Văn H và chị Trịnh Thị N đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; vợ chồng thống nhất, thỏa thuận, thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

***** *Về con chung:* Anh Trịnh Văn H và chị Trịnh Thị N đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, vợ chồng chúng tôi có 02 con chung, các cháu tên là Trịnh Gia H1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/02/2012 và Trịnh Gia H2 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/12/2020; hiện nay, các cháu đều phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Anh Trịnh Văn H và chị Trịnh Thị N đều có ý kiến chung thống nhất và theo nguyện vọng của cháu Trịnh Gia H1, là: Giao cháu Trịnh Gia H1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/02/2012 cho anh Trịnh Văn H (bố đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc và nuôi

dưỡng cho đến khi cháu Trịnh Gia H1 thành niên (đủ 18 tuổi); Giao cháu Trịnh Gia H2 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/12/2020 cho chị Trịnh Thị N (mẹ đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trịnh Gia H2 thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trịnh Văn H và chị Trịnh Thị N không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trịnh Văn H và chị Trịnh Thị N đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được phép ngăn cản anh H và chị N thực hiện quyền này.

Anh Trịnh Văn H và chị Trịnh Thị N đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

***** *Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác*: Anh Trịnh Văn H và chị Trịnh Thị N đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

***** *Về án phí:* Anh Trịnh Văn H và chị Trịnh Thị N đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; anh Trịnh Văn H chịu toàn bộ tiền án phí DS-HNGĐ sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng anh H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004793, ngày 06/12/2022. Trả lại cho anh Trịnh Văn H 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Chị Trịnh Thị N không phải nộp tiền án phí DS-HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã L,
huyện V, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn